

dân được truy lĩnh tiền bảo hiểm xã hội thời gian bị đình chỉ.

Điều 43.- Quyền hưởng bảo hiểm xã hội bị hủy bỏ đối với quân nhân, công an nhân dân khi đào ngũ và có thể bị cắt giảm hoặc bị hủy bỏ khi giả mạo hồ sơ để hưởng bảo hiểm xã hội; ra nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài không hợp pháp.

Ngoài việc bị cắt giảm hoặc hủy bỏ quyền hưởng bảo hiểm xã hội thì người giả mạo hồ sơ còn phải bồi hoàn toàn bộ số tiền bảo hiểm xã hội đã hưởng và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 44.- Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý quân nhân, công an nhân dân vi phạm quy định về bảo hiểm xã hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại.

Điều 45.- Cán bộ thuộc cơ quan bảo hiểm xã hội vi phạm về bảo hiểm xã hội thì tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 46.- Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1995, những quy định trước đây về bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân trái với Điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 47.- Quân nhân, công an nhân dân đang hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp hoặc tiền tuất hàng tháng trước ngày thi hành Điều lệ này vẫn hưởng các chế độ theo quy định trước đây và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của Chính phủ. Mọi chi phí về bảo hiểm xã hội cho các đối tượng này do ngân sách Nhà nước đài thọ.

Điều 48.- Quân nhân, công an nhân dân đang hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên trước ngày thi hành Điều lệ này khi chết được áp dụng chế độ tử tuất quy định tại Mục V Điều lệ này.

Điều 49.- Quân nhân, công an nhân dân đã có thời gian phục vụ tại ngũ; thời gian là công nhân viên chức quốc phòng, công nhân viên chức Nhà nước trước ngày thi hành Điều lệ này, nếu chưa hưởng trợ cấp xuất ngũ, trợ cấp thôi việc thì được tính là thời gian để hưởng bảo hiểm xã hội.

Điều 50.- Công nhân viên chức quốc phòng và viên chức công an nhân dân thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ.

Điều 51.-

1. Quân nhân, công an nhân dân đang công tác trong ngành Cơ yếu được áp dụng chế độ bảo hiểm xã hội theo Điều lệ này.

Đối với những người công tác trong ngành Cơ yếu đang hưởng lương theo bảng lương lực lượng vũ trang nhưng không phải là quân nhân, công an nhân dân thì được vận dụng thực hiện chế độ bảo hiểm theo Điều lệ này.

2. Những người không thuộc đối tượng quy định tại điểm 1 Điều này làm việc trong ngành Cơ yếu thì thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 409-TTg ngày 15-7-1995 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 1996.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 6 (tháng 10 năm 1994) về nhiệm vụ năm 1995, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở trong cả nước đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra: Qua kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 1995, sản xuất duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; kinh tế đối ngoại có bước phát triển mới; nhiều mặt xã hội có chuyển biến tích cực; đời sống nhân dân từng bước được ổn định và cải thiện. Tuy nhiên, những tồn tại, khó khăn còn lớn, nổi lên là: Ngân sách Nhà nước vẫn trong tình trạng căng thẳng do thu đạt kế hoạch thấp, tình hình thất thu, trốn lậu thuế còn phổ biến, bội chi lớn; vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua ngân

sách và tín dụng đều đạt rất thấp; lạm phát còn ở mức cao; tình trạng buôn lậu còn phổ biến.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương triển khai một số việc nhằm phấn đấu đạt và vượt mức kế hoạch năm 1995; triển khai xây dựng và tổng hợp kế hoạch năm 1996 theo những nội dung sau đây:

I. ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1995

1. Điều hành thực hiện kế hoạch năm 1995:

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính và các ngành có liên quan rà soát lại các can đối ion của nền kinh tế, bảo đảm đủ vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất, khai thác thị trường tiêu thụ sản phẩm; tập trung chỉ đạo các đơn vị phấn đấu khai thác hết năng lực sản xuất, tăng sản lượng, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu ngân sách, chống buôn lậu. Đôn đốc các đơn vị nộp hết các khoản thu còn tồn đọng của năm 1994 và 6 tháng đầu năm 1995 vào ngân sách Nhà nước. Bằng mọi biện pháp phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu đã được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các Bộ, ngành, các địa phương.

- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cấp thống kê lại quỹ đất ở từng xã, phường, kiểm tra tình hình sử dụng đất và nhà thuộc tài sản công trong các đơn vị trung ương và địa phương trên địa bàn. Trên cơ sở đó, triển khai việc chuyển quyền sử dụng đất, giao đất đồng thời với việc bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo đúng chế độ, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch thu từ các nguồn trên để có thêm vốn chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Các Bộ, các ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần triển khai thực hiện đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp lại trụ sở của các cơ quan hành chính sự nghiệp; thực hiện ngay chủ trương xử lý đối với phần trụ sở dư thừa hoặc đang cho thuê, đặc biệt là ở địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành, các chủ dự án công trình sử dụng vốn vay, viện trợ của nước ngoài rà soát tiến độ thực hiện, tháo gỡ những vướng mắc, tích cực đàm phán với đối tác bên ngoài để đẩy nhanh tiến độ rút vốn, triển khai thực hiện các dự án theo đúng hiệp định và kế hoạch đề ra.

- Rà soát lại các công trình xây dựng cơ bản, kiên quyết cắt bỏ những công trình chưa thực sự

cấp thiết như xây trụ sở, hội trường, những công trình chưa đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Từ nay đến cuối năm không giải quyết bổ sung chi ngân sách ngoài kế hoạch, trừ trường hợp thật bức bách do Thủ tướng Chính phủ quyết định; các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị phải thực hành tiết kiệm, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi để bảo đảm nhu cầu chi cấp thiết mới phát sinh; nhất thiết không quyết định chi khi chưa có nguồn.

- Thực hiện nghiêm túc việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu. Thực hiện các giải pháp về tài chính - tiền tệ và điều hành thị trường nhằm đạt mục tiêu kiềm chế lạm phát trong 6 tháng cuối năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995:

- Kiểm điểm việc thi hành Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 1995; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, các mục tiêu, các chương trình, dự án đề ra cho năm 1995, xác định rõ những mặt làm được, chưa làm được và phân tích các nguyên nhân cụ thể, chú trọng kiểm điểm những tiến bộ và khuyết điểm trong việc bố trí và điều hành ngân sách.

- Trên cơ sở ước thực hiện kế hoạch năm 1995, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 năm qua (1991 - 1995), đối chiếu với nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm và những yêu cầu mới được đặt ra từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng. Chú trọng đánh giá, phân tích những chuyển biến tiến bộ và những mặt còn yếu kém trong việc ổn định và phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ trật tự trị an; trên cơ sở đó, kiểm điểm việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, đặc biệt là trong việc đổi mới cơ chế, chính sách, xây dựng và thi hành pháp luật, đấu tranh chống tham nhũng và lãng phí của công, chống buôn lậu, chống các tệ nạn xã hội. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo điều hành kế hoạch 1996 và kế hoạch 1996 - 2000.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 1996

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 đang được xây dựng để trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng thông qua nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu theo hướng phấn đấu thực hiện thắng lợi chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000

đã được Đại hội VII thông qua; với mục tiêu tăng trưởng kinh tế được điều chỉnh cao hơn theo yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

Năm 1996 mở đầu cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 phải tập trung cho nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao hơn năm trước, đi đôi với củng cố sự ổn định về chính trị và kinh tế, xã hội, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tận dụng những cơ hội thuận lợi và những lợi thế nhằm khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực trong và ngoài nước; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phát triển văn hóa, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh; cân đối ngân sách Nhà nước vững chắc, lành mạnh, có dự trữ ở mức cần thiết để chủ động trong điều hành.

1. Các nhiệm vụ chủ yếu của năm 1996:

a) Tiếp tục tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát huy mọi nguồn lực phát triển lành mạnh; đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao và bền vững, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như trong từng ngành, từng vùng lãnh thổ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn liền với việc thực hiện chương trình ổn định vững chắc kinh tế - xã hội. Dự kiến mức phấn đấu về nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 1996 so với năm 1995 như sau:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 9,5 - 10%.
- Giá trị sản lượng nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,3 - 4,5%.
- Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 14 - 15%.
- Giá trị sản lượng các ngành dịch vụ tăng 13 - 14%.

b) Phấn đấu ổn định và cải thiện rõ rệt nền tài chính quốc gia. Thu thuế và phí đúng luật, bao quát và tận lực khai thác mọi nguồn thu, chống thất thu; bảo đảm nhu cầu chi tiêu dùng thường xuyên ở mức hợp lý và tiết kiệm, trả được nợ và danh cho đầu tư phát triển với tỷ lệ và mức độ cao hơn các năm trước. Đồng thời, tranh thủ mọi thời cơ tăng nhanh việc thu hút nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), tích cực huy động vốn vay trung và dài hạn của dân với lãi suất hợp lý để có nguồn bù đắp bội chi ngân sách. Ổn định và củng cố sức mua của đồng tiền, thực hiện các biện pháp đồng bộ để kiềm chế lạm phát ở mức trên dưới 10%, nâng cao khả năng kiểm soát lạm phát, ổn định giá cả.

c) Phát triển mạnh mẽ kinh tế đối ngoại, hướng vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có

hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như của từng vùng, tăng nhanh sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, dần dần theo kịp yêu cầu mới trong quan hệ hợp tác và thương mại với các nước trong khối ASEAN, đưa kim ngạch xuất khẩu tăng trên 25% so với năm 1995, bảo đảm nhập đủ vật tư, thiết bị chủ yếu và nhập hàng tiêu dùng cần thiết cho nền kinh tế, góp phần xử lý mối quan hệ tiền - hàng. Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nhiều hơn nguồn vốn ODA, FDI và công nghệ tiên tiến từ bên ngoài phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Bổ sung chính sách và áp dụng nhiều hình thức huy động mọi khả năng tiết kiệm và tự đầu tư phát triển của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để mở rộng quy mô đầu tư toàn xã hội và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đưa tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 26 - 27% GDP.

đ) Triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển văn hóa, xã hội bằng các nguồn vốn của Nhà nước, của nhân dân và nguồn tài trợ của bên ngoài; tạo chuyển biến mới về công tác giáo dục, đào tạo, văn hóa, thông tin, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, khoa học công nghệ và môi trường, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập bình quân và cải thiện đời sống của nhân dân.

e) Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, gắn đổi mới kinh tế với cải cách nền hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước.

g) Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế; bảo đảm các nhu cầu chi thường xuyên của các lực lượng vũ trang, từng bước phát triển khả năng phòng thủ đất nước và giữ vững trật tự, trị an.

Các Bộ, ngành và các địa phương cần quán triệt các nhiệm vụ trên, xác định rõ vị trí của năm 1996, đối chiếu với thực trạng của ngành và địa phương, đi sâu điều tra, tính toán, xác định rõ các nguồn lực phát triển trong năm có thể huy động được để xây dựng kế hoạch cho thật sát và có hiệu quả cao.

2. Làm rõ các cân đối lớn của cả nước, của từng địa phương và các cân đối lớn của từng Bộ được phân công phụ trách; nhất là các cân đối về ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn tập trung của Nhà nước, cân đối tiền - hàng, vật tư hàng hóa chủ yếu. Thủ tướng Chính phủ ủy thác Bộ địa phương hướng bố trí một số cân đối lớn:

a) Cân đối ngân sách phải bảo đảm tích cực, hiện thực; mọi khoản thu, chi ngân sách phải

phản ánh hết vào dự toán ngân sách Nhà nước và thực hiện qua Kho bạc Nhà nước; các loại thuế thu thuế và phí trong nước phải lớn hơn tốc độ tăng chi thường xuyên, nâng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Dự toán ngân sách Nhà nước phải bảo đảm cân đối vững chắc, có dự phòng và dự trữ đủ mức để chủ động trong điều hành, giảm tỷ lệ bội chi so với GDP.

- Quán triệt sâu sắc tinh thần tiết kiệm, không dàn đều vốn đầu tư, không bố trí vốn cho các nhu cầu chưa cấp thiết, hạn chế mua sắm các trang thiết bị chưa thực sự cần thiết; tiếp tục đình chỉ các khoản chi xây dựng trụ sở mới, mua sắm ô-tô và trang thiết bị nội thất đắt tiền; những trường hợp cá biệt phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

- Dành khoảng 70% thuế và phí cho chi thường xuyên; trong đó ưu tiên tập trung cho những nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng nhất và nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Bố trí đủ nguồn để thanh toán dứt điểm các khoản ngân sách còn nợ của các năm trước.

- Dự phòng ngân sách phải bố trí đủ để đáp ứng các yêu cầu chi cho việc thực hiện chính sách mới, chi đột xuất và dành một phần dự trữ gói đầu năm sau.

- Bội chi ngân sách Nhà nước phải tương ứng với khả năng vay trung, dài hạn trong nước và vay ưu đãi nước ngoài có tính khả thi. Không phát hành để bù đắp bội chi ngân sách Nhà nước.

b) Về xây dựng cơ bản, phải khai thác vốn đầu tư toàn xã hội và hướng vào đáp ứng các mục tiêu kinh tế - xã hội. Nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước qua ngân sách và tín dụng phải được bố trí chặt chẽ, phù hợp với khả năng hiện thực về nguồn vốn, bảo đảm sử dụng có hiệu quả; nhất thiết phải xây dựng các chương trình, các dự án, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các thủ tục đã quy định. Xác định rõ việc huy động các nguồn vốn (vốn ngân sách, vốn vay tín dụng, vốn của doanh nghiệp, vốn khấu hao cơ bản, vốn từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất, vốn huy động qua các hình thức cổ phiếu, trái phiếu, vốn vay nước ngoài...) để đáp ứng nhu cầu đầu tư cho từng dự án. Vốn ngân sách Nhà nước chủ yếu bố trí cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn; bố trí tập trung thì công dứt điểm, bảo đảm thanh toán kịp thời khối lượng đầu tư thực hiện, kiên quyết không dàn trải nhiều công trình kéo dài thời gian thì công gây lãng phí. Đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn, Nhà nước sẽ tạo cơ chế và khuyến khích

các đơn vị, các doanh nghiệp tìm nguồn vốn thích hợp.

c) Bảo đảm cân đối tiền - hàng ở bình diện tổng cung tổng cầu và cân đối cung - cầu một số mặt hàng chủ yếu có vị trí quan trọng đối với sản xuất và đời sống, ngăn chặn những "cơn sốt giá" về những mặt hàng ấy.

3. Hết sức coi trọng các giải pháp về chính sách, cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của mình ban hành hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành trong năm 1995 các chủ trương, chính sách, cơ chế nhằm tiếp tục đẩy mạnh tiến trình đổi mới theo hướng triệt để giải phóng lực lượng sản xuất, bảo đảm sự vận hành thông suốt của cơ chế thị trường và tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước.

4. Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, địa phương nghiên cứu trong tháng 8 năm 1995 trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý ngân sách theo hướng: ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi cho các địa phương trong một số năm, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc bố trí kế hoạch và quyết định ngân sách của địa phương mình, khuyến khích các địa phương khai thác các tiềm năng sẵn có để tăng thu ngân sách và tự cân đối ngân sách.

5. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính phải phối hợp chặt chẽ để hướng dẫn các Bộ, địa phương có cơ sở tính toán kế hoạch phù hợp với tình hình chung, bảo đảm các cân đối tích cực, vững chắc.

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn các Bộ, địa phương xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chủ trì làm việc với các Bộ, địa phương, có sự tham gia của Bộ Tài chính, về kế hoạch kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và các chương trình quốc gia do Trung ương phân bổ và cấp kinh phí cho các Bộ, ngành, địa phương.

- Bộ Tài chính hướng dẫn các Bộ, địa phương xây dựng và tổng hợp kế hoạch thu, dự toán chi ngân sách Nhà nước; chủ trì làm việc với các Bộ, địa phương, có sự tham gia của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, về kế hoạch thu, dự toán chi ngân sách Nhà nước và các chương trình quốc gia do Trung ương phân bổ kinh phí và tính vào kế hoạch chi thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương.

6. Tiến độ và thời gian:

- Trước ngày 10 tháng 8 năm 1995 các Bộ, địa phương gửi kế hoạch lên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính.

- Từ nay đến ngày 10 tháng 9 năm 1995 Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính theo sự phân công trên đây (Điểm 5) triển khai làm việc với các Bộ, các địa phương và tổng hợp kế hoạch trình Chính phủ, các Ủy ban của Quốc hội và trình Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 8; chuẩn bị phân bổ và giao kế hoạch vào cuối tháng 12 năm 1995 để các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 1996.

Việc xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch năm 1996 có ý nghĩa rất quan trọng, tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 1996 - 2000. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo sát sao, chặt chẽ quá trình xây dựng và tổng hợp kế hoạch năm 1996, bảo đảm thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 410-TTg ngày 15-7-1995 về việc đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính các cấp.

Ngày 20 tháng 4 năm 1995 Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập Tòa án Hành chính. Việc thành lập và chuẩn bị các điều kiện cho Tòa án Hành chính hoạt động là rất cấp bách. Trước mắt, cần đào tạo, bồi dưỡng gấp trên 1000 người làm Thẩm phán Tòa án Hành chính để các Tòa án Hành chính có thể hoạt động được ngay sau khi Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính được thông qua.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tốt các yêu cầu và nhiệm vụ dưới đây:

1. Khẩn trương xây dựng Tiêu chuẩn Thẩm phán Tòa án Hành chính trình Ủy ban Thương vụ Quốc hội thông qua, làm cơ sở cho công tác đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính các cấp.

Các tiêu chuẩn lựa chọn người để đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính phải được xác định rõ ràng, cụ thể, chú trọng cả năng lực và phẩm chất.

Đối tượng được lựa chọn để đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính là những người đang công tác trong các cơ quan Thanh tra Nhà nước, chính quyền các cấp, có kinh nghiệm về quản lý hành chính, có trình độ nhất định về pháp luật và một số sinh viên tốt nghiệp Đại học Luật loại khá, giỏi, có phẩm chất, đạo đức tốt.

Giao Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì cùng với Bộ Tư pháp, Thanh tra Nhà nước phối hợp với Tòa án Nhân dân tối cao:

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính hàng năm, trước mắt là kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính năm 1995.

- Xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh Thẩm phán Tòa án Hành chính các cấp; tiêu chuẩn tuyển chọn các đối tượng để đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính.

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương lựa chọn các đối tượng để đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính và tổ chức việc tuyển chọn theo đúng các tiêu chuẩn đã xác định.

- Phân công học viên sau khi kết thúc các khóa đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính.

2. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính phải bao gồm các nội dung thiết yếu về pháp luật, quản lý hành chính, tài phán hành chính gắn với thực tiễn của nước ta và có tham khảo kinh nghiệm nước ngoài.

Việc biên soạn các giáo trình, bài giảng phải bảo đảm nội dung thiết thực, phù hợp với từng loại đối tượng học viên.

Đội ngũ giảng viên, kể cả giảng viên kiêm chức, phải được tuyển chọn từ những người có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn công tác tại các cơ quan hành chính và có khả năng giảng dạy tốt để tham gia đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính.

Giao Học viện Hành chính Quốc gia chủ trì cùng với Bộ Tư pháp, Thanh tra Nhà nước phối hợp với Tòa án Nhân dân tối cao:

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án Hành chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Biên soạn giáo trình, bài giảng, chuẩn bị giảng viên và các điều kiện, phương tiện phục vụ